

Bản án số: **11/2018/DS-ST**
Ngày: **23-4-2018**
V/v: *“Tranh chấp về di chúc”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tâm**

2. Bà **Hoàng Thị Xoan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017, về *“Tranh chấp về di chúc”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ **Nguyễn Thị Th**, sinh năm: 1940;

Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Xuân Th**, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: thôn Ph, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày: 20/11/2017.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: đường P, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: đường Ng, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- NLQ2, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Đường Ph, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- NLQ3, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Đường Ng, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- NLQ4, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: đường P, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- NLQ5, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Đường P, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- NLQ6, sinh năm: 1978;
Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Ủy ban nhân dân thị trấn Th

Địa chỉ trụ sở: Đường P, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hùng D - Chức vụ: Chủ tịch UBND.

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc Huyền Tr - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND. Theo văn bản ủy quyền ngày 05/02/2018.

(Các ông Th, H, NLQ1, NLQ2; các bà Th, NLQ4, NLQ6, NLQ5 và bà NLQ3 có mặt; bà Tr vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2017 của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị Th, đại diện theo ủy quyền là ông Lê Xuân Th trình bày: Cụ Nguyễn Văn Đ và cụ Nguyễn Thị Th là vợ chồng, hai cụ có 07 người con chung là các ông bà: NLQ1, Nguyễn Văn H, NLQ2, NLQ5, NLQ4, NLQ6 và NLQ3. Ngoài ra ông bà không có con nuôi, con riêng. Cụ Đ, cụ Th đã tạo lập được khối tài sản sau: Thửa đất 02 tờ bản đồ số 14 thị trấn Th, diện tích 201m² đất ở đô thị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt QSD) đất số AĐ 830913, trên đất có căn nhà cấp 4; thửa đất 1142 tờ bản đồ số 16 thị trấn Th, diện tích 280m² đất trồng cây hàng năm theo Giấy chứng nhận QSD đất số Đ312079 và thửa đất 2 tờ bản đồ số 16 thị trấn Th, diện tích 1.000m² đất nông nghiệp, theo Giấy chứng nhận QSD đất số M516151 đều mang tên cụ Th; thửa đất 445 tờ bản đồ số 17 thị trấn Th, diện tích 850m² đất nông nghiệp, theo Giấy chứng nhận QSD đất số AP777212 mang tên cụ Đ. Ngày 06/6/2011 cụ Đ, cụ Th có lập di chúc phân chia một phần tài sản cho các con, phần còn lại để hai cụ làm ăn sinh sống. Nội dung di chúc như sau: gộp các thửa đất 02 tờ bản đồ 14, thửa 1142 tờ bản đồ số 16 và thửa 445 tờ bản đồ số 17 thị trấn Th để phân chia cho các con là: NLQ4 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ6 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ3 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ5 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ2 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; ông Nguyễn Văn H được chia diện tích đất ngang 5m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ1 được chia diện tích đất ngang 7m chạy thẳng xuống vườn, đường đi vào cầu ông Thiệu và 03m đất mặt tiền còn lại thì để làm đường đi. Bản di chúc này đã được UBND thị trấn Th chứng thực vào ngày 09/6/2011. Đến ngày 07/11/2013 cụ Đ đã chết. Sau khi cụ Đ chết thì cụ Th nhận thấy bản di chúc chung nói trên không thể thực hiện được vì không thể chia đất trên thực tế. Vì vậy, ngày 06/5/2016 cụ Th đã đến UBND thị trấn Th để hủy bỏ phần di chúc của mình trong bản di chúc lập chung với cụ Đ. Do bản di chúc lập ngày 06/6/2011 thực tế không phải là di chúc mà là văn bản tặng cho tài sản nhưng không làm đúng theo quy định của pháp luật, không thể hiện đúng nguyện vọng, ý chí của các cụ, thời điểm lập di chúc thì cụ Đ không biết chữ, còn cụ Th có biết chữ

nhưng không nhiều. Hơn nữa, việc phân chia tài sản theo như bản di chúc thì không thể thực hiện được trên thực tế vì không xác định được vị trí đất của từng người được hưởng, không thể chia cho mỗi người 15m² đất ở đô thị được và cũng sẽ lấn vào 08m chiều sâu của thửa đất số 2 tờ bản đồ số 16 thị trấn Th (thửa đất này không có trong bản di chúc). Việc phân chia theo như bản di chúc này sẽ sung đột, mâu thuẫn và một nửa phần di chúc này đã bị cụ Th hủy bỏ vào ngày 06/5/2016.

Nay cụ Th yêu cầu Tòa án tuyên bố phần di chúc của cụ Nguyễn Văn Đ trong bản di chúc chung vợ chồng ngày 06/6/2011, được UBND thị trấn Th chứng thực ngày 09/6/2011 là vô hiệu và hủy phần di chúc này để cụ Th và các con sẽ thỏa thuận phân chia lại tài sản cho phù hợp với thực tế, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của phía nguyên đơn về quan hệ của cụ Đ, cụ Th, về con của các cụ và về khối tài sản chung cũng như việc hai cụ đã lập bản di chúc ngày 06/6/2011. Bản di chúc này hoàn toàn thể hiện đúng ý nguyện của cụ Đ, cụ Th. Tại thời điểm lập di chúc thì các cụ đều biết chữ nhưng không biết nhiều, chứ không phải không biết chữ. Theo ông bản di chúc ngày 06/6/2011 này có thể thực hiện trên thực tế, đối với diện tích đất ở đô thị tại một vị trí không thể phân chia cho mỗi người 15m² được thì có thể hoán đổi vị trí đất. Tài sản của cụ Đ, cụ Th được ghi trong bản di chúc thì hiện nay đều do gia đình quản lý sử dụng, trong đó ông cũng quản lý sử dụng một phần chứ không thể chấp, cầm cố hay chuyển nhượng cho ai và các thành viên trong gia đình ông chưa phân chia đất theo di chúc. Ông cũng thừa nhận ngày 06/5/2016 cụ Th đã hủy phần di chúc trong bản di chúc chung với cụ Đ lập ngày 06/6/2011.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý hủy phần di chúc của cụ Đ trong bản di chúc chung với cụ Th lập ngày 06/6/2011, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *NLQ2 trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn về quan hệ của cụ Đ, cụ Th, về con của các cụ và về khối tài sản chung cũng như việc hai cụ đã lập bản di chúc ngày 06/6/2011 phân chia tài sản cho các con. Ông cũng thừa nhận phần di chúc của cụ Th trong bản di chúc chung với cụ Đ lập ngày 06/6/2011 thì ngày 06/5/2016 cụ Th đã hủy phần di chúc của mình. Theo ông thì cụ Đ và cụ Th đều biết chữ nhưng không biết nhiều, chứ không phải không biết chữ. Các tài sản của cụ Đ, cụ Th được ghi trong bản di chúc thì hiện nay đều do gia đình quản lý sử dụng, trong đó ông cũng quản lý sử dụng một phần và chưa phân chia đất trên thực tế. Nguyên vọng của ông là muốn anh chị em trong gia đình họp lại để thỏa thuận phân chia cho phù hợp, hài hòa để đảm bảo quyền lợi mỗi người và giữ tình cảm gia đình. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bản di chúc ngày 06/6/2011 của cụ Đ là hợp pháp, hoàn toàn có thể thực hiện được trên thực tế, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

- *NLQ1, NLQ3, NLQ5, NLQ4 và NLQ6 trình bày:* Các ông bà thống nhất với lời trình bày của phía nguyên đơn, bị đơn về quan hệ giữa cụ Đ, cụ Th, về con của các cụ và về khối tài sản chung cũng như việc hai cụ đã lập bản di chúc phân chia tài sản cho các con. Các ông bà cũng thừa nhận cụ Th đã hủy phần di chúc của mình trong bản di chúc chung với cụ Đ lập ngày 06/6/2011. Theo các ông bà thì cụ Đ không biết chữ, còn cụ Th có biết chữ nhưng không nhiều mà chỉ viết theo thói quen. Tài sản của cụ Đ, cụ Th ghi trong bản di chúc thì những người được hưởng không phân chia được. Nay các ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đề nghị Tòa án tuyên bố phần di chúc của cụ Đ trong bản di chúc chung vợ chồng ngày 06/6/2011, được UBND thị trấn Th chứng thực ngày 09/6/2011 là vô hiệu và hủy phần di chúc này, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- *Bà Nguyễn Ngọc Huyền Tr là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị trấn Th trình bày:* UBND thị trấn Th đã chứng thực bản di chúc lập ngày 06/6/2011 của hai cụ theo đúng các quy định của pháp luật và theo đúng ý chí, nguyện vọng của người lập di chúc. Nếu cụ Th và các con thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản của cụ Đ cho phù hợp với thực tế và đảm bảo quyền lợi của từng người thì phải hủy bản di chúc lập ngày 06/6/2011 sau đó mới lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung được. Nay ý kiến của UBND thị trấn Th là nếu các bên đương sự đều thống nhất hủy bản di chúc lập ngày 06/6/2011 này thì UBND thị trấn Th cũng đồng ý hủy, còn nếu có đương sự nào không đồng ý thì UBND thị trấn Th đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do bà Nguyễn Ngọc Huyền Tr có đơn đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố phần di chúc của cụ Đ trong bản di chúc chung ngày 06/6/2011, được UBND thị trấn Th chứng thực ngày 09/6/2011 là vô hiệu và hủy phần di chúc này. Bị đơn không đồng ý hủy phần di chúc của cụ Đ như yêu cầu của nguyên đơn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà NLQ1, NLQ3, NLQ5, NLQ4 và NLQ6 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; NLQ2 thống nhất với ý kiến của bị đơn là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị Th yêu cầu hủy phần di chúc của cụ Nguyễn Văn Đ trong bản di chúc chung của vợ chồng ngày 06/6/2011, được UBND thị trấn Th chứng thực ngày 09/6/2011.

Về chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố phần di chúc của cụ Đ trong bản di chúc ngày 06/6/2011, chứng thực ngày 09/6/2011 là vô hiệu và hủy phần di chúc này. Bị đơn không đồng ý hủy như yêu cầu của nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về di chúc*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 5 và 11 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn Th, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn Th do bà Nguyễn Ngọc Huyền Tr là đại diện tham gia tố tụng, bà Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Xem xét bản di chúc chung do cụ Đ, cụ Th lập ngày 06/6/2011, được UBND thị trấn Th chứng thực ngày 09/6/2011 thì thấy rằng:*

Về hình thức của bản di chúc: Bà Nguyễn Ngọc Huyền Tr là đại diện của cơ quan chứng thực di chúc khẳng định là việc UBND thị trấn Th chứng thực bản di chúc đề ngày 06/6/2011 của cụ Đ và cụ Th đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 652 và Điều 663 Bộ luật Dân sự năm 2005, thời điểm cụ Đ, cụ Th đến yêu cầu UBND thị trấn Th chứng thực di chúc thì các cụ vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối đe dọa hoặc cưỡng ép. Các đương sự còn lại, bên thì cho rằng cụ Đ và cụ Th đều biết chữ, bên thì cho rằng cụ Đ không biết chữ, còn cụ Th có biết chữ nhưng biết không nhiều. Tuy nhiên, xem xét bản di chúc thì thấy cả cụ Đ và cụ Th đều ký và điểm chỉ trong bản di chúc, trong đơn khởi kiện cụ Th ký và ghi rõ họ tên của mình; các đương sự đều thừa nhận khi còn sống cụ Đ nghe, nói bình thường; mặt khác không đương sự nào có ý kiến phản đối với lời trình bày của bà Tr về việc chứng thực di chúc của UBND thị trấn Th. Như vậy, có thể khẳng định trình tự, thủ tục chứng thực của UBND thị trấn Th và hình thức của bản di chúc chung giữa cụ Đ, cụ Th lập ngày 06/6/2011, chứng thực ngày 09/6/2011 là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung của bản di chúc: Bản di chúc thể hiện nội dung là gộp các thửa đất 02 tờ bản đồ 14, thửa đất 1142 tờ bản đồ số 16 và thửa đất 445 tờ bản đồ số 17 thị trấn Th để phân chia cho các con là: NLQ4 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ6 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ3 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ5 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ2 được chia diện tích đất ngang 4m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; ông Nguyễn Văn H được chia diện tích đất ngang 5m, dài 20m, trong đó có 15m² đất ở đô thị; NLQ1 được chia diện tích đất ngang 7m chạy thẳng xuống vườn, đường đi vào cầu ông Thiệu và 03m đất mặt tiền còn lại thì để làm đường đi. Trong khi đó qua các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp cũng như sự thừa nhận của các đương sự thì trước khi lập bản di chúc chung ngày 06/6/2011 này thì cụ Đ, cụ Th chưa làm thủ tục nhập các thửa đất số 02 tờ bản đồ 14 và thửa đất số 445 tờ bản đồ số 17 thị trấn Th thành một thửa và cũng chưa làm thủ tục hoán đổi vị trí đất ở đô thị theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các Giấy chứng nhận QSD đất của 03 thửa đất nói trên và qua việc xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 06/3/2018 thì xác định được như sau: thửa đất 1142 tờ bản đồ số 16, diện tích 280m² (trong đó có 100m² đất ở đô thị) giáp mặt tiền đường Nguyễn Chí Thanh và theo nội dung di chúc thì NLQ1 được hưởng diện tích đất này; còn lại thửa đất số 02 tờ bản đồ 14 do năm 1993, diện tích 201m² đất ở đô thị (nay là một phần thửa đất 262 tờ bản đồ số 17 do năm 2007) và thửa đất số 445 tờ bản đồ số 17, diện tích 850m² đất nông nghiệp giáp đường 2/4 (Quốc lộ 27) được gộp lại chia cho NLQ4, NLQ6, NLQ3, NLQ5 và NLQ2 mỗi người 4m chiều ngang, 20m chiều dài, trong đó có 15m² đất ở; ông H 5m chiều ngang, 20m chiều dài, trong đó có 15m² đất ở và 03m chiều ngang để làm đường đi, trong khi đó diện tích đất ở 201m² của thửa 02 tờ bản đồ số 14 được cấp Giấy chứng nhận QSD đất chỉ có 16,8m chiều ngang mặt tiền đường 2/4 và 12 m chiều dài, nếu chia đủ 20m chiều dài theo di chúc thì sẽ xâm phạm vào diện tích đất khác không nằm trong bản di chúc, hơn nữa mỗi người được chia 15m² đất ở thì thửa đất số 445 tờ bản đồ số 17 là đất trồng cây hàng năm, không phải là đất ở; mặt khác nội dung bản di chúc không xác định rõ vị trí đất mỗi người được chia dẫn đến xung đột về lợi ích và không thể chia đất trên thực tế theo nội dung của bản di chúc.

Bản di chúc chung giữa cụ Đ, cụ Th lập ngày 06/6/2011, chứng thực ngày 09/6/20011 đã bị cụ Th hủy bỏ phần di chúc của cụ vào ngày 06/5/2016. Việc hủy bỏ này đã được UBND thị trấn Th chứng thực và đến nay không một ai có ý kiến gì đối với phần di chúc của cụ Th đã bị hủy bỏ này. Như vậy, theo phần di chúc còn lại của cụ Đ thì các ông bà NLQ2, NLQ4, NLQ3, NLQ5, NLQ6 mỗi người chỉ còn được hưởng là 40m², trong đó có 7,5m² đất ở đô thị (chiều ngang 02m đất mặt tiền, chiều sâu 20m) ông H chỉ còn được hưởng là 50m², trong đó có 7,5m² đất ở đô thị (chiều ngang 2,5m đất mặt tiền, chiều sâu 20m) và NLQ1 chỉ còn được hưởng diện tích đất có chiều ngang 3.5m mặt tiền.

Đôi chiếu với Quyết định số: 33/2015/QĐ-UBND ngày 16/04/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng thay thế Quyết định số: 08/2008/QĐ-UBND ngày 14/3/2008 quy định về diện tích đất tối thiểu được phép tách thửa thì: “Điều 3. Diện tích đất tối thiểu được tách thửa và diện tích đất tối thiểu còn lại sau khi tách thửa. Thửa đất mới hình thành từ việc tách thửa và thửa đất còn lại sau khi tách thửa phải lớn hơn hoặc bằng diện tích tối thiểu theo từng trường hợp sau:

1. Thửa đất ở hoặc thuộc quy hoạch là đất ở:

a) Đối với đất ở đô thị (thuộc địa bàn các phường, thị trấn):

- Dạng nhà phố: Diện tích tối thiểu là $40m^2$ và có kích thước theo mặt đường $\geq 4,0$ m đối với đường đã có tên hoặc đường, đường hẻm có lộ giới ≥ 10 m (sau đây gọi chung là đường chính); có kích thước theo mặt đường $\geq 3,3$ m đối với các đường, đường hẻm còn lại (sau đây gọi chung là đường hẻm).

- Dạng nhà liên kế có sân vườn: Diện tích tối thiểu là $72 m^2$ và có kích thước theo mặt đường chính $\geq 4,5$ m; tại các đường hẻm diện tích tối thiểu là $64 m^2$ và kích thước theo mặt đường $\geq 4,0$ m.

- Dạng nhà song lập: Diện tích tối thiểu là $280 m^2$ và có kích thước theo mặt đường chính $\geq 20,0$ m (tính cho 02 lô); tại các đường hẻm diện tích tối thiểu là $224 m^2$ và kích thước theo mặt đường $\geq 16,0$ m (tính cho 02 lô).

- Dạng nhà biệt lập: Diện tích tối thiểu là $250 m^2$ và có kích thước theo mặt đường chính $\geq 12,0$ m; tại các đường hẻm diện tích tối thiểu là $200 m^2$ và kích thước theo mặt đường $\geq 10,0$ m.

- Dạng biệt thự: Diện tích tối thiểu là $400 m^2$ và có kích thước theo mặt đường $\geq 14,0$ m.”

2. Thửa đất nông nghiệp thuộc quy hoạch là đất nông nghiệp: Diện tích tối thiểu là $500m^2$. Như vậy, phần nội dung còn lại của di chúc chung giữa cụ Đ, cụ Th lập ngày 06/6/2011 được UBND thị trấn Th chứng thực vào ngày 09/6/2011 đã trái pháp luật, trái với quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đất do UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành.

Tại điểm b khoản 1 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005 về điều kiện của di chúc hợp pháp quy định: “Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội, hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật”.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị Th, tuyên bố phần di chúc của cụ Nguyễn Văn Đ trong bản di chúc chung vợ chồng ngày 06/6/2011, được UBND thị trấn Th chứng thực ngày 09/6/2011 là vô hiệu và hủy phần di chúc này.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải thanh toán chi phí tố tụng này cho nguyên đơn cụ Nguyễn Thị Th theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị Th được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 và 11 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 157, 207, 208, 210, 211, 220, 227, 228, 262 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị Th đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H.

Tuyên bố phần di chúc của cụ Nguyễn Văn Đ trong bản di chúc chung vợ chồng với cụ Nguyễn Thị Th lập ngày 06/6/2011, được UBND thị trấn Th, huyện Đ chứng thực ngày 09/6/2011 là vô hiệu và hủy phần di chúc này.

Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho cụ Nguyễn Thị Th 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền chi phí tố tụng.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự khác không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn

